

Số: 1942 /QĐ-SCT

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 49/2023/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc xây dựng, áp dụng, công bố, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và hoạt động kiểm tra tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Kế hoạch số 2719/KH-SCT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Sở Công Thương về triển khai duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động cơ quan Sở Công Thương năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Công Thương phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1307/QĐ-SCT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Sở Công Thương về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Điều 3. Chánh Thanh tra Sở, Ban chỉ đạo và Tổ Thư ký ISO, Trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc và toàn thể công chức, viên chức Sở Công Thương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở KHCN (để biết);
- Lưu: VT, TTr, BCĐ ISO.

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC
QUY TRÌNH TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ
CÔNG THƯƠNG THỪA THIÊN HUẾ ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1942 /QĐ-SCT ngày 11 tháng 10 năm 2023
của Sở Công Thương Thừa Thiên Huế)*

Sở Công Thương thực hiện Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 cho việc thực hiện các thủ tục hành chính theo chức năng nhiệm vụ, cụ thể như sau:

1. Quy trình các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

STT	Tên Quy trình Thủ tục hành chính
	LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI (6 THỦ TỤC)
1.	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại
2.	Thông báo hoạt động khuyến mại
3.	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
4.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
5.	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam
6.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam
	LĨNH VỰC DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI (2 THỦ TỤC)
7.	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại
8.	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại
	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (21 THỦ TỤC)
9.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa
10.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn
11.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí

12.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP
13.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
14.	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP
15.	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)
16.	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)
17.	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
18.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²
19.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại
20.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini
21.	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
22.	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
23.	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động
24.	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
25.	Thủ tục Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
26.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
27.	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
28.	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép
29.	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
	LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC (11 THỦ TỤC)

30.	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương
31.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương
32.	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương
33.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương
34.	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương
35.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương
36.	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương
37.	Cấp Sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương
38.	Cấp lại thẻ an toàn điện
39.	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện
40.	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện
	LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP (7 THỦ TỤC)
41.	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
42.	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
43.	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ
44.	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ
45.	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
46.	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
47.	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
	LĨNH VỰC QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN (8 THỦ TỤC)
48.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)
49.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban

	nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)
50.	Cấp gia hạn, điều chỉnh giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đập, hồ chứa thủy điện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP)
51.	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
52.	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
53.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
54.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
55.	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện
	LĨNH VỰC HÓA CHẤT (10 THỦ TỤC)
56.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
57.	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm
58.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
59.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
60.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
61.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
62.	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
63.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
64.	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
65.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM (2 THỦ TỤC)
66.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện

67.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện
	LĨNH VỰC THI ĐUA KHEN THƯỞNG (2 THỦ TỤC)
68.	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân Nhân dân”, “Nghệ nhân Ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.
69.	Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân Thừa Thiên Huế trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ
	LƯU THÔNG HÀNG HÓA (27 THỦ TỤC)
70.	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
71.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
72.	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
73.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
74.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
75.	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
76.	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
77.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
78.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
79.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
80.	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ
81.	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
82.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
83.	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
84.	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
85.	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
86.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
87.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá

88.	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
89.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
90.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
91.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
92.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
93.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
94.	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
95.	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
96.	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CẠNH TRANH (1 THỦ TỤC)
97.	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương
	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG (1 THỦ TỤC)
98.	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh
	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI (1 THỦ TỤC)
99.	Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào
	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG (3 THỦ TỤC)
100.	Thủ tục thẩm định và điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
101.	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (cấp tỉnh)
102.	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương
	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ (24 THỦ TỤC)
103.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
104.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
105.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG

106.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
107.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
108.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
109.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
110.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
111.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
112.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
113.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
114.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
115.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
116.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
117.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
118.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG
119.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
120.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
121.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
122.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
123.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG
124.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
125.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG
126.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
	LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ (1 THỦ TỤC)
127.	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng

	QUẢN LÝ BÁN HÀNG ĐA CẤP (4 THỦ TỤC)
128.	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
129.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
130.	Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
131.	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

SỞ CÔNG THƯƠNG

Công bố lại Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Công Thương
phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
đối với các lĩnh vực quản lý của Sở
(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1942/QĐ-SCT
ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Sở Công Thương)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 10 năm 2023

GIÁM ĐỐC

Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU CỦA CÁC QUY TRÌNH (04 QT HỆ THỐNG)

H57.3-01/HT/BM01

DANH MỤC KIỂM SOÁT TÀI LIỆU NỘI BỘ
ĐƠN VỊ SỞ CÔNG THƯƠNG.....

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ngày ban hành	Lần sửa đổi						Ghi chú
					1	2	3	4	5	6	
I	Các tài liệu chung										
1	Sổ tay chất lượng										
II	Các quy trình hệ thống										
1. 1	Quy trình kiểm soát tài liệu	H57.3-01/HT	2								
2.	Quy trình kiểm soát hồ sơ	H57.3-02/HT	2								
3.	Quy trình đánh giá nội bộ	H57.3-03/HT	2								
4.	Quy trình kiểm soát hành động không phù hợp	H57.3-04/HT	2								
5.	Quy trình hành động khắc phục/phòng ngừa	H57.3-05/HT	2								
6.	Quy trình quản lý rủi ro	H57.3-06/HT	2								
III	Các quy trình nội bộ										
1.	Quy trình Đăng ký, xây dựng chương trình công tác	H57.3-01/NB									
2.	Quy trình Đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	H57.3-02/NB									

3.	Quy trình Quản lý văn bản đến	H57.3-03/NB										
4.	Quy trình Quản lý văn bản đi	H57.3-04/NB										
5.	Quy trình thanh toán	H57.3-05/NB										
6.	Quy trình quản lý tài sản	H57.3-06/NB										
7.	Quy trình đăng ký sử dụng tài sản	H57.3-07/NB										
8.	Quy trình mua sắm, bảo trì, sửa chữa tài sản	H57.3-08/NB										
9.	Quy trình lập hồ sơ hiện hành và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan	H57.3-09/NB										
10.	Quy trình họp giao ban	H57.3-10/NB										
11.	Quy trình tổ chức hội nghị, hội thảo	H57.3-11/NB										
12.	Quy trình bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ, công chức của cơ quan	H57.3-12/NB										
13.	Quy trình xin nghỉ phép	H57.3-13/NB										
14.	Quy trình phối hợp giữa các đơn vị để giải quyết công việc nội bộ của cơ quan	H57.3-14/NB										
15.	Quy trình xét Thi đua - Khen thưởng	H57.3-15/NB										

DANH MỤC TÀI LIỆU BÊN NGOÀI
ĐƠN VỊ: SỞ CÔNG THƯƠNG

TT	Tên tài liệu	Ký hiệu	Cơ quan ban hành	Ghi chú
I/	CÁC QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ TTHC, PHÊ DUYỆT QTNB (kể cả các quyết định bổ sung, sửa đổi TTHC, QTNB)			
1	Tên Quyết định công bố danh mục TTHC của UBND tỉnh, bao gồm các TTHC sau:	Số, ngày		
1.1	Tên TTHC 1.1	Ghi mã số TTHC		Số, ngày, cơ quan ban hành Quyết định phê duyệt QTNB; số lượng QTNB cho giải quyết TTHC này
1.2	Tên TTHC 1.2
2			
2.1			
2.2			
			

Danh mục tài liệu tại I có thể được tổ chức tích hợp để kiểm soát trong các Biểu mẫu thích hợp khác do CQHCCNN tự cải tiến, điều chỉnh (nhưng vẫn đảm bảo bằng chứng kiểm soát được nội dung này)

